

* Kha Lang Nã

Vườn nhà tôi và vườn của Ba Năm cách nhau bởi hàng rào cây táo nhọn xanh thẫm. Giữa rặng cây táo nhọn trổ hoa trắng trong mùa mưa, có một cây trám đơm đầy trái tím. Hai mảnh vườn đều trồng cây măng cầu ta, xen lẫn vài cây khế chua, khế ngọt, ổi, táo và chùm ruột.

Ba Năm là người láng giềng thân tín của cha mẹ tôi. Ông rất yêu thương anh, chị, em, tôi. Vì thế, cha mẹ tôi dạy chúng tôi phải gọi ông bằng Ba Năm (Ba là cha, Năm là thứ bậc của ông trong dòng dõi gia tộc). Năm tôi vừa tròn sáu tuổi thì Ba Năm đã quá tứ tuần. Ba Năm có tầm vóc cao khoảng một thước bảy, người hơi gầy, nước da ngăm đen. Khuôn mặt ông xương xương, tóc hớt ngắn gọn, mày rậm, mũi cao, trán rộng, đôi mắt hơi sâu nhưng rất sáng, môi dày và thâm, có lẽ vì Ba Năm hút thuốc rê liên tục, miệng rộng phát ra giọng đồng sang sảng. Ba Năm để râu năm chòm. Râu và tóc của ông đều điểm sương. Thân hình rắn chắc, tay chân gân guốc vì Ba Năm vừa là nông phu, vừa là thợ mộc, làm việc lao động nhiều. Ba Năm thường mặc quần áo bà ba đen, chân đi guốc vòng.

Ba Năm rất hiếu khách, vui vẻ và hòa nhã với mọi người. Ông sống an phận với ruộng lúa vườn cây, tuy không khá giả mấy nhưng ông rất trọng nghĩa, khinh tài, thường giúp đỡ người bị hoạn nạn. Gia đình tôi và bà con trong thôn xóm rất thương mến Ba Năm.

Công vườn nhà Ba Năm được làm bằng gỗ rất đẹp mắt, phía trên có giàn hoa giấy trắng, đỏ đan nhau chi chít. Trước gian nhà ngói đỏ đã mờ vết rêu phong, Ba Năm đã xây một hòn non bộ giữa sân bằng đá san hô mà ông đã mượn ghe bầu chở từ Phan Thiết về. Trước hòn non bộ là một hồ nhỏ trồng hoa sen. Hồ nước thông vào một hang dưới chân núi được Ba Năm đặt tên là động Đào Nguyên. Trong hồ có nhiều cá chép vàng bơi lội nhớn nhỡ. Con đường vòng quanh bờ hồ có nhiều triền dốc và cầu cống. Tượng ngư ông cầm cần câu, làm bằng đất nung được đặt trên một tảng đá lớn cạnh bờ hồ. Mảnh đất bên đường mòn dưới chân núi có tượng nông phu cày ruộng và mục đồng ngồi trên lưng trâu thổi sáo. Tượng tiều phu vác bó củi trên vai, được Ba Năm gắn trên cái cầu bắc ngang phía trước cửa vào hang động. Trên núi có những chùa chiền mái cong với công tam quan. Tượng thú vật như cọp, nai, khỉ, chim công, . . . được gắn rải rác trên hòn non bộ. Gần đỉnh núi, có hai tiên ông ngồi đánh cờ. Đặc biệt ở giữa hòn non bộ của Ba Năm có một thác nước chảy mãi không ngừng. Nước tuông xuống cái hồ, trước lối vào động Đào Nguyên.



Trước hòn non bộ là vườn hoa và cây kiểng của Ba Năm. Có nhiều loài hoa nở theo mùa, theo tiết như hoa lan, hoa lựu, hoa cúc, hoa mai. Ngoài ra còn có hoa dạ lý, đưa hương, thơm ngát cả vườn trong những đêm thanh vắng. Quỳnh hoa thẹn thùng, e lệ, nở hoa lúc nửa đêm. Giữa ngàn tia, muôn hồng của hoa vạn thọ, cúc bách nhật, hoa mào gà, hoa huệ, hoa lài, hoa móng tay, hoa trang, mẫu đơn, thược dược và nhiều loài hoa khác. Một bụi trúc xinh thắm đứng đợi gió về, cành lá phất phơ, che ngang mặt trăng rằm, trông đẹp như một bức tranh Tàu. Những cây chùm nụm trồng trong chậu sứ hình bát giác, Ba Năm uốn, tía cành rất khéo léo thành hình con nai, hình con công xoè cánh.

Giữa vườn hoa, Ba Năm cắm một cây nọc gỗ cao khoảng hai thước. Trên đầu nọc, ông gắn một tấm ván vuông, cạnh dài một thước với những hình người làm bằng gỗ, đứng xây luá, sàng gạo, giã gạo. Những người gỗ được gắn then chuyễn vào một trục quay ở giữa. Trên đầu trục, có hai thanh gỗ treo nhau thành hình chữ thập mà bốn điểm tận cùng được gắn bốn chiếc thuyền buồm để nhờ sức gió làm cho trục quay tròn, tác động vào then chuyễn khiến người gỗ hoạt động. Hoạt cảnh nông gia này trông rất vui mắt, ai đi ngang qua nhà Ba Năm cũng đứng lại nhìn xem, mỉm cười thích thú.

Ba Năm kể cho tôi nghe sự tích của động Đào Nguyên. Tôi cảm thấy hồn mình lâng lâng, mơ mộng, tưởng tượng mình như người dân đánh cá ở Vũ Lăng chèo thuyền ngược dòng sông, lạc vào động Đào Nguyên.

Nghề thủ công của Ba Năm rất tinh xảo. Vài dịp Tết Trung Thu và Tết Nguyên Đán, Ba Năm làm nhiều món đồ chơi của trẻ con để đem bán ở xóm chợ. Tôi thường phụ giúp đưa cháu nội của ông - tên là Đêm, mang đồ chơi ra chợ bán. Đêm lớn hơn tôi ba tuổi, thân hình vạm vỡ, khoẻ mạnh. Đêm rất vui vẻ, thông minh, tháo vát và cũng rất tinh nghịch. Vào mùa gió chướng của tháng cận Tết, Ba Năm là cho Đêm và tôi, một con ó, bẻ dài hai cánh hơn một thước, sừng bằng tre, phát giấy bạch rất mỏng. Trên đầu con ó có gắn nhiều cây cung lớn nhỏ lồng vào nhau mà dây cung là những sợi mây bẻ bản rộng khoản 6 li, được chuốt thật mỏng. Đó là cái “tù tu” thay vì sáo diều. Khi Đêm và tôi đem thả con ó lên trời bằng sợi dây nhợ dài cả trăm thước, những sợi dây cung xê gió, rung lên, phát ra một hợp âm trầm bổng nghe rất du dương. Hằng năm, sau mùa gặt, Ba Năm trồng dưa hấu trên đất ruộng để bán trong dịp Tết. Dưa chín rộ vào giữa tháng Chạp. Tôi và Đêm ngồi trong chòi để giữ dưa. Cùng với nhiều cánh diều khác của những đứa trẻ trong thôn xóm, con ó của chúng tôi được thả lên giữa bầu trời xanh biếc, không gọn một áng mây. Chúng tôi chia nhau ăn những trái dưa gốc chín đỏ, ngon ngọt, lắng tai nghe tiếng “tù tu” quyện theo ngọn đồng phong mát lạnh. Từng đàn chim én bay lượn ngoài ruộng

dưa như báo tin mùa xuân sắp đến. Vào ngày hăm lăm, hăm sáu tháng Chạp, các anh tôi giúp Ba Năm gánh dưa ra chợ, chất đống trong một gian hàng được che bằng vải bố. Tôi và Đêm hết nhiệm vụ giữ dưa, được Ba Năm cho tiền đi chợ Tết, đánh “bầu, cua, cá, cọp”, đánh bông vụ rồi đi ăn hủ tiếu ở quán của chị A-Muối bên hông chợ. Ngoài con ó để thả bay cao trong mùa gió chướng, Ba Năm còn làm cho Đêm tôi một chiếc thuyền buồm dài nửa thước để thả trong một cái ao bên đình làng giữa mùa mưa. Khi chiếc thuyền căng buồm, rẽ nước, chạy phẳng phẳng, tôi và Đêm lội theo phía sau, với tay điều chỉnh dây lèo và bánh lái. Nhờ thú vui này mà Đêm và tôi bơi lội giỏi. Nhưng, một hôm vì quá say mê đuổi theo chiếc thuyền chạy rất nhanh trong gió lộng, tôi bị vọp bẻ, bắp thịt của hai chân căng cứng, đau nhức như bị xé cơ, không cử động được. Đêm bỏ mặc cho chiếc thuyền bị lật úp, vội vã diu tôi, lội vô bờ rồi xoa bóp bắp chân cho tôi. Sau khi hồi phục, hai chân cử động bình thường, tôi cảm động, cầm tay Đêm nói:

- Nếu không có mày cứu vớt, chắc tao đã thành “ma da” ở dưới ao đình.

Giữa hàng cây táo non phân ranh vườn nhà tôi và vườn nhà Ba Năm, tôi và Đêm đã dọn một lỗ trống để chui qua, rủ nhau đi chơi rong vào những đêm trăng sáng. Chúng tôi thường đến nhà của cậu Năm Thục ở đầu thôn để nghe ông thổi ông tiêu. Âm thanh tiếng tiêu lan xa trong ánh trăng vàng như vắn vương nổi sầu mộng, nhớ thương. Đêm nào không nghe tiếng tiêu, tôi thao thức, chờ mong. Những khi buồn, tôi thường chui lỗ rào để qua ngòi trên cái băng đá trước nhà Ba Năm, ngắm nhìn hòn non bộ. Những lúc phạm lỗi, bị cha mẹ đánh đòn, tôi chạy sang “tỵ nạn” ở nhà Ba Năm để được ông an ủi, khuyên bảo:

- Từ đây về sau, con hãy nghe lời ba má con dạy bảo. Có như vậy mới không bị đòn và sẽ thành người tốt.

Những lúc ấy, má Năm thường lấy bánh ít nhưn dưa cho tôi và dỗ dành:

- Con đừng khóc nữa. Má Năm cho con bánh ít nhưn dưa nè! Đừng có hi hướm nữa nghe con.

Tuy sống ở đất vườn, nhưng cha tôi làm nghề đánh cá. Cha tôi lái chiếc thuyền buồm ra khơi với năm người “bạn biển” lực lưỡng. Thuở đó, số “đáy rạo” của cha tôi cắm giữa giòng hải lưu ngoài khơi, cách bờ khoảng sáu hải lý tên là “Hàng mới lạch”, được rất nhiều cá, tôm. Gia đình tôi trở nên hưng thịnh, vui sống đời ấm no, hạnh phúc. Cha mẹ tôi có lòng nhân ái, làm việc thiện, việc nghĩa, biết chia cơm, sẻ áo cho người nghèo nên được dân làng mến thương. Bến thuyền ở ngoài xóm chợ, cách nhà tôi một cây số rưỡi. Tôi thường theo mẹ và các anh tôi ra bến, đón thuyền của cha tôi về vào những buổi chiều vàng hay những đêm trăng soi lấp lánh trên mặt biển quê hương. Nhiều ánh đuốc của thuyền đánh cá trở về soi bập bùng trên bến tấp nập ngư dân, đẹp như ý thơ của bài “Phong Kiều Dạ Bạc”:

Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên

Giang phong ngư hỏa đối sầu niên . . .

Sau cuộc hải hành, cha tôi thường chọn lựa cá, tôm để biếu Ba Năm. Dây thân ái giữa hai gia đình ngày càng

thất chặt. Nhà nào có đám giỗ, tiệc tùng thì nhà kia đến đông đủ để chung vui.

Bỗng một tai họa xảy đến cho cả thôn xóm mà gia đình tôi và gia đình Ba Năm đang an cư lạc nghiệp. Vào một buổi sáng tinh sương, khoảng hai mươi người Việt Minh đặt ổ phục kích quân Pháp tại vườn nhà tôi vì hằng ngày, có một tiểu đội lính Pháp đẩy xe từ đồn bót của chúng cách đó một cây số, đến lấy nước ngọt tại giếng của gia đình tôi. Họ đã phong tỏa gia đình tôi “nội bất xuất, ngoại bất nhập”. Cha mẹ tôi năn nỉ họ dời điếm phục kích đến chỗ khác nhưng họ không chấp thuận. Họ đe dọa nếu còn van xin nữa họ sẽ giết.

Khi trận chiến bùng nổ, gia đình tôi, gia đình Ba Năm và cả xóm phải chạy vào rừng ẩn trốn để thoát khỏi sự tra thù, tàn sát của Pháp. Lực lượng Việt Minh rút lui, quân tiếp viện của Pháp tràn vào đốt phá thôn trang. Sự nghiệp của gia đình tôi tiêu tan trong lửa đỏ. Cũng may cho gia đình tôi còn lại được chiếc thuyền đánh cá đậu ở bên ngoài xóm chợ. Cô Năm của tôi đã điều động những người bạn biển tiếp tục ra khơi hành nghề để kiếm tiền mua lương thực, thuốc men, . . . tiếp tế cho gia đình tôi. Hơn sáu tháng chạy giặc trong rừng Sát sinh lầy, Ba Năm luôn kề cận gia đình tôi giúp đỡ, an ủi, sốt chia gian khổ, đau buồn. Mọi người luôn luôn lo sợ càn quét của quân Pháp và đặt mình trong tình trạng sẵn sàng chạy trốn khi nghe tiếng động cơ của máy bay “bà già” vọng lại từ xa. Mùa mưa trong rừng rậm có rất nhiều muỗi và “bù mắc” chực chờ hút máu người. Vậy mà khi chiếc phi cơ quan sát bay quần nhiều vòng thật thấp để săn tin tức, ai cũng chui vào bụi rậm, nằm im thín thít, muỗi cắn cũng không dám đập. Một hôm, Đêm bắt một con bù rầy lớn hơn ngón tay cái, cột chân nó vào một sợi dây nhợ rồi cột một cái vỏ ốc len nặng bằng trọng lượng của con bù rầy, hai vật cách khoảng một gang tay. Con bù rầy bay quanh cái vỏ ốc trông như cái quạt máy đang quay. Đêm cầm đầu dây, thòng con bù rầy vào giữa cái lu đã cạn nước để cho tiếng ù ù phát ra từ đôi cánh mỏng, dội vang trong lu và thoát ra ngoài, nghe như tiếng động cơ của máy bay “bà già” văng vẳng xa xa. Tôi đứng bên cạnh Đêm, mỉm cười thích thú. Đám người chạy giặc bỗng ngừng đầu, nghe ngóng. Ba Năm cất tiếng báo động cho mọi người biết:

- Bà con ơi, chuẩn bị ẩn trốn, con “bà già” nó sắp tới!

Giữa lúc mọi người gọi nhau ơi ới để chạy vào rừng hay xuống hầm trú ẩn thì Ba Năm khám phá ra tiếng phi cơ “bà già” từ trong . . . cái lu cạn nước. Ba Năm nói giặc, tóm lấy Đêm bằng tay trái và đánh lia lịa vào mông nó bằng tay phải. Mẹ tôi đến năn nỉ, can ngăn, Ba Năm mới chịu tha cho Đêm. Đến lượt tôi sắp bị cha tôi đánh đòn thì Ba Năm xin tội cho tôi:

- Nó đâu có lỗi làm gì mà ông đánh nó, tất cả đều do thằng Đêm lớn đầu mà ngu!

Quay nhìn Đêm và tôi, Ba Năm răn dạy:

- Ai cũng sợ máy bay “bà già”, sao tụi bây chơi ác vậy? Từ đây về sau phải chừa bỏ nghe chưa!

Tôi và Đêm khúm núm trả lời:

- Dạ!

Vì muốn cứu những người thân yêu thoát khỏi cảnh đời tăm tối, cha tôi lên về làng, liên lạc với chú Chín Bời, một người bà con đang làm thông dịch viên cho quân Pháp để nhờ chú ấy minh oan cho gia đình tôi, cho Ba Năm và láng giềng. Kết quả là nhà tôi và cả xóm đều được hồi cư. Tô âm năm xưa không còn nữa, gia đình tôi và gia đình Ba Năm phải ra xóm chợ tìm kế sinh nhai. Gia đình Ba Năm tạm trú tại nhà của đứa con trai thứ ba. Người này là cha của Đêm. Ba Năm tiếp tục hành nghề thợ mộc. Má Năm làm bánh, đem bán ở chợ. Gia đình tôi ở đậu nhà một người bà con trong một thời gian ngắn rồi dọn đến ở nhà mới của cha tôi mua được. Ba Năm nhớ xóm cũ, nhớ cảnh vườn xưa, nhớ hòn non bộ mà ông đã dày công tác tạo nên đưa gia đình trở về xóm rẫy. Để giúp cho Ba Năm có thêm đất trồng cây ăn trái, tặng thêm tiền thu nhập cho gia đình, cha mẹ tôi đã chuyển nhượng lại đất vườn của nhà tôi cho Ba Năm. Căn nhà lợp ngói âm dương ngày trước không còn nữa, Ba Năm dựng lại một mái nhà tranh với cái chái bên hông và cái chái bếp rất rộng rãi. Ba Năm sửa chữa lại hòn non bộ y như cũ. Phá hàng rào cây táo như ngăn cách hai mảnh vườn, Ba Năm vui mừng có thêm diện tích đất để trồng thêm cây măng cầu và ôi xá lị nhiều hơn.

Đêm vẫn theo ông bà nội chớ không sống với cha mẹ. Tôi và Đêm đi học ở trường làng. Đêm học rất giỏi, viết chữ rất đẹp. Tôi học sau nó một lớp. Những ngày cuối tuần, tôi thường về xóm cũ để cùng Đêm đi thả ó, thả diều ngoài đồng hoặc đi thả thuyền buồm ở ao đình làng. Học hết lớp Nhất, tôi qua Vũng Tàu để học trường Trung Học, còn Đêm thì bỏ học để phụ giúp Ba Năm làm vườn, làm ruộng. Ngày từ biệt để lên đường đi học ở tỉnh xa, cách quê mẹ Cần Giờ mười ba cây số đường biển, tôi được Má Năm đãi ăn bánh ít trần thật ngon, được Đêm tặng cho một cây viết máy làm kỷ niệm. Ba Năm cầm tay tôi bịn rịn, khuyên lơn:

- Ra tỉnh con cố gắng học hành để được đỗ đạt, thành danh, rạng rỡ tông đường. Điều cần yếu là con phải biết vâng lời thầy, cô, vâng lời cha mẹ.

Qua ba lần hè đến, tôi trở về làng cũ để sum họp với cha mẹ và anh, chị, em tôi. Lần nào tôi cũng vào thăm ba má Năm và cùng Đêm sống lại những kỷ niệm ngày xưa. Tôi có dịp thăm lại hòn non bộ của Ba Năm. Chiếc thuyền buồm bé nhỏ đã chở tuổi thơ của tôi và Đêm trôi vào dĩ vãng. Chúng tôi đã đến tuổi hoa niên nhiều ước vọng cho tương lai.

Vào một dịp nghỉ Tết, tôi trở về quê thì nhận được một tin buồn, Đêm đã đi vào rừng theo bọn người mệnh danh là “Cách mạng giải phóng miền Nam” trong khi nó đã cưới vợ được vài tháng. Lúc đó, người anh ruột thứ sáu của tôi làm Trung Đội Trưởng Nghĩa Quân đã nhờ người thân tin liên lạc được với Đêm. Anh tôi kêu gọi Đêm trở về với chính nghĩa Quốc gia theo chính sách chiêu hồi, đích thân sẽ đến điểm hẹn để đón Đêm về. Anh hứa sẽ bảo lãnh cho Đêm. Đêm trả lời cho anh tôi biết: chờ một cơ hội thuận tiện, nó sẽ quay về. Nhưng rủi ro thay, giữa một đêm tối trời, Đêm đột nhập hàng rào áp Chiến Lược để về thăm vợ,

bị lực lượng Bảo An bắn chết. Nhận được hung tin, ba má Năm ngất xỉu mấy lần vì quá thương tiếc đứa cháu nội đã sống gắn bó với ông bà từ thuở nó còn ấu thơ cho đến ngày khôn lớn. Sau đó, người vợ trẻ của Đêm . . . sang ngang.

Hôm ấy nhằm ngày mùng Hai Tết, tôi và mẹ tôi đến thăm ba má Năm, má Năm, ba Năm vui mừng ôm tôi mà khóc vì nhớ Đêm. Sau khi thuật lại chuyện buồn, má Năm kể cho tôi nghe:

- Thằng Đêm nó linh lắm đó con! Khi vợ nó lấy chồng khác, hồn nó theo phá hoại. Cứ mỗi lần vợ nó và thằng chồng mới ăn nằm với nhau thì bị. . . hồn ma của thằng Đêm giựt đứt dây mùng.

Ba Năm chỉ chiếc thuyền buồm nhỏ đặt trên cái giá gắn trên vách, ôn tồn nói:

- Chiếc ghe mà con và thằng Đêm thường đi thả ở ao đình, ba Năm treo trên vách để nhớ tụi bây.

Chỉ đến con ó treo phía trên thuyền buồm, với đôi mắt rơm rướm lệ, Ba Năm nghẹn ngào nói:

- Đêm hai mươi tám Tết, ba Năm nằm chiêm bao thấy con về thăm. Sáng hôm sau, ba Năm lấy con ó để trên gác xuống coi thì thấy nó bị chuột cắn rách một cánh. Ba Năm liền ra chợ, mua giấy về phất lại con ó và treo nó gần chiếc ghe buồm. Thật đúng như chiêm bao, hôm nay con về . . . nhưng . . . lại . . . vắng. . .thằng Đêm.

Miệng Ba Năm bỗng méo xệch, nước mắt trào tuôn xuống đôi má hóp. Tôi cố nén cơn xúc động nhưng lệ cũng ứa ra bờ mi. Ba Năm gạt nước mắt, hỏi má Năm dọn bánh mứt cho mẹ con tôi ăn. Sau khi thưởng thức hương vị ngày xuân, mẹ tôi và má Năm ngồi nhai trầu bôm bôm, trò chuyện với nhau. Ba Năm uống rượu đế, nhâm nhi đĩa tôm khô như để giải phá cơn sầu. Tôi xách con ó ra đường làng, trước nhà Ba Năm, thả nó lên cho đôi cánh bọc gió với một sai tay dây nhợ rồi lần lần nói dây dài thêm. Đến khi con ó bay dừng lại trên cao, tôi đứng nép bên vệ đường nhìn nó, lòng miên man nhớ lại kỷ niệm êm đẹp của tôi và Đêm trong cái chòi nhỏ bên ruộng dưa, vào những ngày cận Tết năm xưa. Âm vang của tiếng “tù tu” giữa không trung như tiếng oán than, rót vào hồn tôi nỗi u hoài, nhớ thương bạn cũ. Tôi không ngờ Đêm lại ra đi vào vùng tăm tối kết liễu mạng sống một cách quá oan uổng. Có phải chăng cái tên không sáng sủa làm ảnh hưởng đến cuộc đời của nó. Tôi khê thờ dài, cuốn dây nhợ lại và cho con ó xuống thấp dần đến tận cùng đường dây rồi mang nó vào nhà. Đó là lần thả ó cuối cùng của tôi nơi xóm cũ, làng xưa để giã từ kỷ vật của tôi và Đêm từ thời ấu thơ, rời xa mái trường, đi theo tiếng gọi của núi sông.

Hai năm sau, tôi xin nghỉ phép, trở về quê, thăm gia đình, thăm Ba Năm cũng vào dịp Tết. Buổi chiều của ngày Ba Mười tháng Chạp xuống thật chậm trên xóm thôn đang thả khói lam bay éo lá. Nắng vàng như còn lưu luyến ngày xuân tươi, vương đọng trên cây cỏ, lá hoa. Tôi phụ Ba Năm che bếp bằng mấy tấm tole cho kín gió để Má Năm bắt đầu nấu bánh tét trước sân nhà rồi bày tiệc bên hòn non bộ, uống rượu với mấy người láng giềng.

Cội mai già đơm đầy nụ hoa hàm tiếu như chực chờ nở đúng giờ phút thiêng liêng đầu năm mới. Vườn hoa

do bàn tay Ba Năm vun bón đang tung bùng khoe sắc thắm, lá lơi, cườm cọt với ngọn đông phong. Mấy con cá chép trong hồ đớp mống làm rung rinh mấy lá sen non đang nhô mình lên trên làn nước trong veo. Bên bờ hồ, tượng ngư ông vẫn ngồi trầm ngâm, cầm cần, câu cá. Mục đồng cưỡi trâu, thổi sáo. Tiều phu vác bó củi, lom khom đi xuống núi. Thác nước vẫn đổ xuống trước cửa vào hang động Đào Nguyên.

Qua mấy lần rót rượu, Ba Năm vui vẻ hỏi tôi:

- Nghe má con nói: con là sĩ quan Không Quân, bay máy bay “đầm già” phải không con?

Tôi đáp:

- Dạ thưa Ba Năm, phải.

Ba Năm nhìn tôi mỉm cười:

- Con còn nhớ hồi xưa mình chạy giặc trong rừng, thẳng Đêm và con bắt bù rầy cột chân, cho nó bay xoáy vòng rồi thông vào lu nước cạn để giả tiếng máy bay “đầm già” khiến bà con thất kinh hồn vía không?

Hình ảnh cũ hiện về giữa hồn tôi. Trò chơi tinh nghịch “nhái” tiếng phi cơ thám thính của Pháp đã khiến Đêm bị Ba Năm đánh một trận đòn nên thân. Cây bút máy của Đêm tặng cho tôi, tôi luôn giữ bên mình như một báu vật. Lúc còn đi học ở trường Trung Học Vũng Tàu, thỉnh thoảng tôi viết thư cho Đêm bằng cây bút do nó tặng cho tôi trong buổi chia tay.

Ba Năm biết tôi buồn khi nhắc lại chuyện cũ nên rót rượu cho mọi người rồi nói:

- Mình hãy cùng ly để tiễn đưa năm cũ!

Tôi và những người láng giềng cùng hưởng ứng lời kêu gọi của Ba Năm trong bầu không khí đậm ấm, vui tươi. Đêm ấy, tôi ở lại tới phút Giao Thừa để mừng tuổi Ba Năm, Má Năm rồi trở về nhà tôi ở xóm chợ khi pháo khai xuân nổ vang khắp cả thôn làng. Những ngày sau, chiều nào tôi cũng cùng Ba Năm ngồi đối ẩm bên hòn non bộ để ngắm vườn hoa Tết đang xôn xao trong gió xuân về. Đến ngày tôi hết phép phải trở lại đơn vị, khi tôi đến từ già, Ba Năm tiễn tôi ra ngõ, nắm tay tôi dặn dò:

- Con hãy bảo trọng lấy thân. Khi nào nghỉ phép nhớ về thăm Ba Năm. Chúc con thượng lộ bình an.

Tôi bước đi được một khoảng đường rồi ngập ngừng đứng lại, quay nhìn Ba Năm với nỗi luyến thương ngập lòng. Ba Năm vẫn còn đứng trông theo tôi. Thấy tôi quay lại, ông vẫy tay với tôi. Đông phong thổi lộng về làm trút đổ trận mưa hoa dưới công vườn, nơi Ba Năm đang đứng nhìn tôi.

Gần hai năm ở phi trường Đà Nẵng - ải địa đầu của lính tàu bay, dạn dày sương gió của chiến trường miền Trung, tôi xin nghỉ phép thường niên, về thăm quê cũ vào dịp Tết Trung Thu để vui ngày đại hội “Nghênh Ông” theo truyền thống của dân ngư phủ làng tôi. Tôi mua trà sen và bánh Trung Thu để làm quà biếu Ba Năm. Nhưng khi tôi về đến mái nhà xưa thì được tin Ba Năm lâm trọng bệnh mà qua đời. Mẹ tôi xúc động kể:

-Khi mẹ đến thăm, Ba Năm đã kiệt sức. Vậy mà Ba Năm vẫn nhắc đến con. Ba Năm chết được ba tháng thì Má

Năm buồn rầu, sanh bệnh và chết theo Ba Năm. Mộ của hai người được chôn cạnh nhau trong đất vườn. Con hãy mua hoa và nhang để vào viếng mộ Ba Má Năm, đi con!

Tôi nghe lòng mình đau đớn, tiếc thương Ba Má Năm

như người ruột rà trong gia tộc. Vợ vã đi đến nhà Ba Năm, thấy công vườn hé mở, tôi bước vào và đảo mắt nhìn quanh. Trong vườn vắng lặng, không một bóng người. Mấy con chim sâu chuyền cành cây măng cầu, buồng tiếng hót bi thương. Tôi thấy hai nấm mồ của Ba, Má Năm nằm bên cạnh con đường mòn từ cổng vào nhà. Tôi xúc động quì xuống, hai tay ôm choàng mộ của Ba Năm rồi đến mộ của Má Năm. Tôi đặt hai bó hoa tươi trước mộ và đốt nhang, cắm trước hai tấm mộ bia. Tôi ghen ngào, nói thầm:

- Con về đây, sao Ba Má Năm vợ ra đi!

Nước mắt tôi chảy xuống ướt má hồi nào tôi cũng không hay. Tôi lấy khăn tay lau lệ rồi đứng dậy, quay sang hòn non bộ. Tôi sững sốt khi thấy hòn non bộ không còn nữa mà chỉ thấy trồng toàn là rau cải. Những cái chậu bình bát giác mà Ba Năm trồng cây chùm nụm làm kiếng và uốn, tia cành lá thành hình con nai, con công, nay cũng biến mất. Cội mai già ngày trước bị cưa mất nhiều nhánh và bụi trúc bị chặt mất nhiều cây. Cây lựu ngày xưa trở hoa đỏ trong nắng hạ, nay đứng xơ xác, chơ vơ như xót thương người đã trồng và vun bón nó. Tôi còn đứng ngẩn ngơ trước cảnh đổi thay thì cha của Đêm từ ngoài cổng đi vào. Tôi cất tiếng chào hỏi:

- Chào anh Ba, anh đi đâu về vậy anh Ba? Tôi tới không thấy ai nên đứng ngoài sân.

Cha của Đêm mời tôi vào nhà. Tôi đến đốt nhang, cắm trên bàn thờ của Ba, Má Năm và Đêm rồi trao gói trà sen và bánh Trung Thu cho người con trai của Ba Năm:

- Tôi không biết tin Ba, Má Năm mất. Tôi mua trà sen và bánh Trung Thu về biếu Ba, Má Năm. Xin anh nhận món này để cúng Ba, Má Năm.

Anh Ba nhận quà đặt lên bàn thờ và nói hai tiếng cảm ơn nghe . . . cộc lốc. Tôi nhìn lên vách, chỗ mà Ba Năm để chiếc thuyền buồm và con ó thì thấy hai vật kỷ niệm ấy cũng không còn nữa. Hỏi ra, mới biết anh Ba đã đem bán những chậu kiếng, chiếc thuyền buồm và con ó cho người láng giềng, còn hòn non bộ của Ba Năm, anh ta đã đập nát thành đá cuội để tráng xi măng nền nhà bếp! Cội mai già thì anh ta tía nhánh bán trong dịp xuân về. Tôi nghe lòng đau nhói trước một sự mất mát to lớn trong cuộc đời. Đối với tôi, những vật mà Ba Năm để lại còn quý hơn ngọc ngà, châu báu, vì nó là kỷ niệm yêu thương của cuộc đời tôi đối với một người láng giềng mà tôi kính mến như thân phụ của tôi. Vậy mà đứa con trai của Ba Năm không nghĩ đến nghĩa tình đối với người thân đã mất, đành lòng đem bán kỷ vật của cha già chỉ vì ham tiền.

Tôi ngao ngán, từ già anh Ba rồi bước nhanh ra ngõ. Tiếng tiêu ai oán từ đầu thôn vọng lại khiến tôi đi chậm bước, thất thểu trên đường làng. Chạnh nhớ lần tiễn biệt cuối cùng, Ba Năm đứng ở đầu ngõ, vẫy tay với tôi, tôi quay lại nhìn công vườn để hình dung ông còn đứng nơi

ây, đôi mắt trông theo tôi. Gió Thu thổi lộng về, hoa giấy
rơi lả tả như mưa trước cổng vườn nhưng người tôi yêu
kính đã xa hình, vắng dạng.

St. Louis, 01/06/2002

Kha Lăng Đa